

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **13/2021/DS-ST**.

Ngày: 27/4/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Bà Phan Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2021/QĐXXST-DS ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 276/2021/QĐST-DS ngày 07/4/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Phan Văn H, sinh năm 1978.

HKTT: Số 127, tổ 5, ấp P, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Khải T, sinh năm 1982, cư trú tại số 31, Lý Thái Tổ, khu phố M, thị trấn H1, huyện N, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền ngày 06/6/2020).

*** Bị đơn:**

- Anh Trần Hồ H2, sinh năm 1979.

- Chị Trần Thị T1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã P2, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, anh H2 và chị T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/01/2020, vợ chồng anh H2, chị T1 có mượn (vay) của anh H số tiền 180.000.000 đồng và hẹn đến ngày 29/02/2020 sẽ trả số tiền trên cho anh H. Vợ chồng anh H2, chị T1 cùng ký nhận đủ tiền và ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2020. Tuy nhiên sau 03 tháng, anh H2, chị T1 vẫn không trả số tiền vay trên cho anh H.

Tháng 10/2020, khi anh H khởi kiện anh H2, chị T1 tại TAND huyện Nhơn Trạch thì anh H có xuống gặp trực tiếp anh H2, chị T1 và anh H2, chị T1 có hứa sẽ trả. Đến tháng 12/2020, anh H tiếp tục xuống nhà anh H2, chị T1 đòi tiền vay trên thì anh H2, chị T1 tránh mặt và anh H không liên lạc được với anh H2, chị T1 để giải quyết hợp đồng vay trên.

Tại tòa, anh H yêu cầu vợ chồng anh H2, chị T1 phải trả cho anh số tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi trong thời hạn vay 01 tháng là 1.800.000 đồng, còn thời gian ông H2, bà T1 quá hạn phải trả thì ông H đề nghị Tòa án căn cứ trên cơ sở pháp luật để tính tiền lãi suất cho những tháng quá hạn hợp đồng.

* Trong quá trình tòa án tiến hành tố tụng, bị đơn – anh H2, chị T1 không có mặt tham gia tố tụng dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ và cũng không có văn bản ý kiến gửi tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện kèm các tài liệu, chứng cứ liên quan, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh H, anh T; giấy ủy quyền tố tụng; hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2020; các bản tự khai, đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án; biên bản xác minh tại Công an xã P2, huyện N, tỉnh Đồng Nai; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm đối với vụ án:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như xét đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án của đương sự, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Anh H2, chị T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- anh Trần Khải T và bị đơn – anh Trần Hồ H2, chị Trần Thị T1, nhưng anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh H2, chị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T, anh H2 và chị T1.

[2] Về nội dung: Giữa anh H và vợ chồng anh H2, chị T1 có ký hợp đồng cho cá nhân vay tiền vào ngày 29/01/2020. Theo đó, anh H2 và chị T1 vay của anh H số tiền 180.000.000 đồng để làm ăn. Thời hạn vay: Từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/02/2020. Phương thức cho vay: Tiền mặt. Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay. Vợ chồng anh H2, chị T1 cùng ký nhận đủ tiền và ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/01/2020. Tuy nhiên, anh H2, chị T1 vẫn không trả số tiền vay trên cho anh H như đã thỏa thuận cho đến nay, dù anh H có yêu cầu trả nhiều lần.

*** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do phía nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập thì việc ký hợp đồng cho cá nhân vay tiền vào ngày 29/01/2020 giữa anh H và anh H2, chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, phù hợp với pháp luật dân sự. Vợ chồng anh H2, chị T1 cùng ký nhận đủ tiền và thống nhất thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/02/2020. Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay. Tuy nhiên, anh H2, chị T1 vẫn không trả số tiền vay trên cho anh H như đã thỏa thuận cho đến nay, dù anh H có yêu cầu trả nhiều lần. Như vậy, anh H2, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại tòa, anh H yêu cầu vợ chồng anh H2, chị T1 phải trả cho anh số tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi trong thời hạn vay 01 tháng (1%/tháng) từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/02/2020 là 1.800.000 đồng, là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh H2, chị T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho anh H theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với anh Trần Hồ H2, chị Trần Thị T1.

Buộc anh Trần Hồ H2 cùng chị Trần Thị T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Phan Văn H số tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi (1%/tháng) từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/02/2020 là 1.800.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Trần Hồ H2, chị Trần Thị T1 phải chịu 9.090.000 (chín triệu, không trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Phan Văn H số tiền 4.630.000 (bốn triệu, sáu trăm ba mươi nghìn) đồng do anh Trần Khải T nộp thay theo biên lai thu tiền số 0000708 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hường